

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn huyện Tam Đường năm 2022

Thực hiện Công văn số 3204/UBND-KTN ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về xây dựng kế hoạch năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch với các nội dung cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2021

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 02/3/2021 về thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo bền vững năm 2021, chỉ đạo tổ chức thực hiện các dự án, chính sách giảm nghèo thuộc các lĩnh vực như chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập, vay vốn tín dụng, giáo dục và đào tạo, y tế, an sinh xã hội cho hộ nghèo, người nghèo... góp phần hạn chế tỷ lệ tái nghèo và giảm nghèo bền vững; Chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có MSTB năm 2021 và theo chuẩn giai đoạn 2022-2025 đảm bảo theo đúng quy trình, quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO

1. Chính sách đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập

- **Công tác Đào tạo nghề:** Ban hành Kế hoạch số 236/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND huyện về nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tam Đường; Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 18/3/2021 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn năm 2021; Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 11/3/2021 về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 18/3/2021 giải quyết việc làm năm 2021 cho lao động nông thôn năm 2021 theo quan điểm đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn gắn với thực hiện cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đảm bảo sát thực tế và gắn với giải quyết việc làm. Kết quả 9 tháng đã thực hiện đào tạo nghề được 665/1000 đạt 66,5; ước hết năm đạt 75,5% Kế hoạch.

- **Giải quyết việc làm:** Đã giải quyết việc làm cho 3.221/1.100 lao động, đạt 292,8% kế hoạch giao, trên các lĩnh vực vay vốn tự tạo việc làm; Lao động có việc làm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, hợp tác xã (trong và ngoài tỉnh), tập trung ở các tỉnh (Hải Phòng, Hưng Yên, Bắc Ninh, Bình Dương, Thái Nguyên...).

2. Chính sách hỗ trợ vốn tín dụng: Đã thực hiện cho vay 2.361 hộ, tổng doanh số cho vay là 101.454 triệu đồng. Cụ thể: 587 hộ nghèo, cận nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất, tổng doanh số cho vay 33.506 triệu đồng; 224 hộ vay nguồn vốn giải quyết việc làm, tổng số tiền vay 9.264 triệu đồng; 599 hộ được vay qua chương trình nước sạch vệ sinh môi trường, tổng số tiền vay 11.337 triệu đồng; 135 hộ được vay qua chương trình hộ mới thoát nghèo, tổng số tiền vay 7.374 triệu đồng; 805 hộ vay vốn sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, tổng số tiền vay 35.900 triệu đồng; 10 hộ được vay nhà ở xã hội, tổng số tiền vay 4.050 triệu đồng; 01 hộ vay thương nhân vùng khó khăn, tổng số tiền 23 triệu đồng.

3. Chính sách hỗ trợ về giáo dục và đào tạo: Thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ về giáo dục và đào tạo như: Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP cho 8.820 lượt học sinh, sinh viên kinh phí 4.384 triệu đồng; Nghị định 116/2016/NĐ-CP về hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở các xã, bản đặc biệt khó khăn cho 2.012 học sinh bán trú với số lượng gạo hỗ trợ là 178.425 kg, tổng kinh phí thực hiện 6.983,6 triệu đồng; Nghị định 105/NĐ-CP về hỗ trợ học sinh DTTS bán trú tiền ăn trưa cho 2.858 học sinh, kinh phí 2.702 triệu đồng; Nghị định 57/NĐ-CP về hỗ trợ đối với học sinh dân tộc ít người cho 670 học sinh, kinh phí 3.754 triệu đồng; Nghị quyết 19/2018/NQ-HĐND, Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND, Nghị quyết 11/2020/NQ-HĐND tỉnh về hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em 24-36 tháng tuổi và học sinh tiểu học, THCS... đã hỗ trợ cho 651 học sinh, kinh phí hỗ trợ 876,7 triệu đồng.

4. Chính sách hỗ trợ về y tế

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho người nghèo được quan tâm, 100% người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người sống ở vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, tổng số thẻ được cấp là 40.394 thẻ; trong đó: khám chữa bệnh cho 63.230 lượt người, điều trị nội trú 2.184 lượt bệnh nhân, kê đơn điều trị ngoại trú cho 25.398 lượt BN khi đau ốm được khám, chữa bệnh.

Tích cực tham gia và vận động các tổ chức nhân đạo, từ thiện khám chữa bệnh miễn phí và lồng ghép các chương trình mục tiêu y tế để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và người nghèo. Đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình cho người nghèo, dân tộc thiểu số trên địa bàn.

5. Các chính sách hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán, cứu đói giáp hạt, hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các nhà hảo tâm trong và ngoài huyện trao tặng 5.372 suất quà cho các đối tượng chính sách xã hội nhân dịp tết Nguyên đán, kinh phí trên 2 tỷ đồng; tặng 66 lượt bệnh nhân nằm viện ăn tết, số tiền 6,6 triệu đồng; tiếp nhận 41,355 tấn gạo cứu đói giáp hạt của Chính phủ hỗ trợ 636 hộ, 2.757 khẩu; thăm định và hỗ trợ tiền điện cho trên 1.900 hộ nghèo, kinh phí trên 940 triệu đồng.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO

Dự ước đến hết năm 2021, toàn huyện còn 1.575 hộ nghèo, tỷ lệ 12,83%; 980 hộ cận nghèo, tỷ lệ 7,98%; tỷ lệ giảm hộ nghèo 3,2%, tỷ lệ giảm hộ cận nghèo 1,03% đạt 100% Kế hoạch.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIẢM NGHÈO NĂM 2022

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều 3%.
- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn 1.000 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo 55,2%; giải quyết việc làm cho 1.100 lao động, trong đó đi làm việc nước ngoài là 15 lao động.
- 100% người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 18,9%; thể thấp còi 25,5%.
- Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; duy trì 20/37 trường Chuẩn Quốc gia, tỷ lệ 54,1% (Trong đó: Mầm non 53,8%; Tiểu học 88,9%; THCS 30,8%; THPT 50%).

- Hỗ trợ cho 20% hộ nghèo, hộ cận nghèo còn khó khăn về nhà ở có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu thiên tai.

- Tỷ lệ dân số thị trấn được sử dụng nước sạch 75,5%, 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh 74,5%.

- Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia 99,9%; hỗ trợ trên 80% người nghèo có nhu cầu tiếp cận, sử dụng hiệu quả dịch vụ viễn thông.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, dự án phát triển sản xuất, các mô hình giảm nghèo nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống ở vùng khó khăn; ưu tiên hỗ trợ người nghèo DTTS, hộ có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ nghèo; cá nhân, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp đủ điều kiện tham gia dự án, mô hình.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ máy móc, giống cây trồng, vật nuôi cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và các mô hình giảm nghèo như phát triển chăn nuôi đàn gia súc, trồng cây dược liệu có giá trị mang lại hiệu quả kinh tế cao và được nhân rộng trong cộng đồng.

Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.700 triệu đồng (vốn sự nghiệp: 2.700 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 2.000 triệu đồng.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 700 triệu đồng (huy động trong nhân dân).

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Mục tiêu: Hỗ trợ người nghèo, người dân sinh sống vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đảm bảo lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập góp phần giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân sinh sống ở vùng khó khăn. Ưu tiên hỗ trợ người nghèo DTTS, hộ có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ nghèo.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật và thú y.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện 3.570 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 2.500 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 1.070 triệu đồng (huy động trong nhân dân).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trẻ em vùng đặc biệt khó khăn.

- Đối tượng thụ hưởng: Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ gia đình thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường việc tiếp cận với can thiệp trực tiếp phòng chống, suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình thuộc vùng đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường công tác thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em dưới 5 tuổi.

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản và cán bộ bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp xã; tăng cường nguồn lực và vai trò phối hợp liên ngành về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng phụ nữ, trẻ em dưới 5 tuổi.

+ Theo dõi, giám sát và báo cáo kết quả hoạt động.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.050 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.050 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp ở vùng khó khăn về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, gắn kết GDNN với việc làm bền vững, tạo việc làm tăng thu nhập cho người nghèo.

- Đối tượng: Người học nghề, lao người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo, người có thu nhập thấp; cơ sở GDNN thuộc vùng khó khăn.

- Nội dung:

+ Xây dựng các chuẩn, phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội địa phương

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.621,5 đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 1.841,5 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 780 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

4. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo các hộ có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc danh sách do UBND cấp xã quản lý tại thời điểm Chương trình có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ tối thiểu là 03 năm.

- Nội dung thực hiện: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo diện tích tối thiểu 30m² và 3 “cứng” (nền, khung, tường, mái); tuổi thọ căn nhà từ 20 năm trở lên.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 700 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 400 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 300 triệu đồng (huy động trong nhân dân).

5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân vùng khó khăn có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ truy nhập internet.

- Đối tượng thụ hưởng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân vùng khó khăn; địa bàn vùng khó khăn.

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thôn tin và truyền thông;

+ Hỗ trợ hộ gia đình nghèo, cận nghèo tiếp cận thông tin;

+ Cung cấp các sản phẩm báo trí, các sản phẩm truyền thông tuyên truyền cho các nhóm đối tượng (người nghèo, DTTS, yếu thế xã hội...)

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 5.932 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 5.932 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; huy động các nguồn lực và tuyên truyền các gương điển hình để nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- Đối tượng thụ hưởng: Người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình.

- Nội dung thực hiện: Tuyên truyền lưu động lồng ghép triển lãm, chiếu phim tài liệu, phóng sự về Chương trình, dự án giảm nghèo trên địa bàn.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 100 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 100 triệu đồng (Vốn sự nghiệp).

6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Mục tiêu: Nâng cao năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho những người làm công tác giảm nghèo; đảm bảo đội ngũ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đối tượng và hiệu quả.

- Đối tượng: Công chức cấp huyện, cấp xã phụ trách công tác giảm nghèo; cấp cơ sở (cán bộ thôn, bản, đại diện cộng đồng, công tác viên giảm nghèo, cán bộ Hội, đoàn thể, người có uy tín...).

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng tài liệu tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giảm nghèo đa chiều...

+ Đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác giảm nghèo: Đề xuất, lập kế hoạch tham gia tổ chức thực hiện các dự án xây dựng, phát triển hạ tầng, năng lực làm chủ đầu tư, đa dạng hóa sinh kế, phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo, truyền thông giảm nghèo, cải thiện dinh dưỡng, công tác xã hội cho các nhóm yếu thế xã hội, bình đẳng giới, trợ giúp pháp lý...

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 200 triệu đồng (vốn sự nghiệp, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 200 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Mục tiêu: Tăng cường nâng cao hiệu quả thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu Chương trình giảm nghèo từ cấp huyện, xã, bản; thông qua giám sát, đánh giá được kết quả thực hiện, giải quyết khó khăn, vướng

mắc đảm bảo việc thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, hiệu quả, đúng quy định của Pháp luật.

- Đối tượng: Các cơ quan, đơn vị chủ trì, quản lý, các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức thực hiện dự án, tiểu dự án, các hoạt động của Chương trình.

- Nội dung thực hiện: Xây dựng kế hoạch, biểu mẫu, hệ thống khung đánh giá các chỉ tiêu; tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ hoặc đột xuất; thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo giám sát, đánh giá các dự án, tiểu dự án hoạt động Chương trình.

- Vốn và nguồn vốn: Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 300 triệu đồng (vốn sự nghiệp, trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 200 triệu đồng.

+ Ngân sách địa phương: 100 triệu đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, xác định mục tiêu giảm nghèo bền vững là một trong nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và nhân dân cùng tham gia vào chương trình giảm nghèo.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, quán triệt đầy đủ đến các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư, nhất là người nghèo, hộ nghèo về quan điểm chỉ đạo và nội dung chương trình giảm nghèo của huyện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, truyền thanh, truyền hình); tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo; thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền phổ biến các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo và kết quả hoạt động của chương trình; giáo dục ý thức tự lực vươn lên, không ỷ lại cho hộ nghèo, người nghèo. Thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

3. Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều của Thủ tướng Chính phủ (*y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt, thông tin, việc làm*).

4. Tập trung huy động mọi nguồn lực phục vụ cho công tác giảm nghèo với phương châm Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân thực hiện. Huy động từ các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ công tác giảm nghèo ở các cấp, nhất là cấp xã để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp tổ chức chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đã đề ra.

6. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình giảm nghèo thông qua hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá chương trình tại các cấp (huyện, xã, thị trấn) nhằm nắm được tiến độ kết quả thực hiện các chủ trương chính sách và giải pháp hỗ trợ người nghèo đồng thời thấy được mức độ phù hợp, tính hiệu quả của chương trình. Trên cơ sở đó rút kinh nghiệm thực tiễn tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh các nội dung hoạt động của chương trình đảm bảo hiệu quả cao, mang tính toàn diện và bền vững.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nghèo; công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2022;

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện một số dự án: Dự án 2, Dự án 4, Dự án 7;

- Theo dõi, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí vốn cho các cơ quan, các xã, thị trấn triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành; đề xuất nguồn lực cho chương trình giảm nghèo, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác của huyện.

- Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo theo quy định.

3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; phối hợp triển khai Dự án 2.

- Hướng dẫn, chỉ đạo lồng ghép Chương trình xây dựng nông thôn mới với Chương trình giảm nghèo bền vững.

4. Trung tâm Y tế

- Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3

- Thực hiện tốt công tác khám, điều trị bệnh cho người nghèo; phối hợp với các hội, đoàn thể tổ chức các hoạt động khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trạm y tế các xã, thị trấn.

5. Phòng Kinh tế- Hạ tầng: Chủ trì triển khai thực hiện Dự án 5.

6. Phòng Văn hóa – Thông tin: Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 6.

7. Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông

- Chủ trì triển khai thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 6.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của chương trình giảm nghèo bền vững trên các phương tiện truyền thông, Cổng thông tin điện tử huyện Tam Đường. Tuyên truyền các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo.

8. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp thực hiện một số nội dung thực hiện chính sách cho con em hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học theo đúng độ tuổi, góp phần xóa tỷ lệ mù chữ.

9. Phòng Dân tộc: Phối hợp hướng dẫn, tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Phối hợp với các Ban, ngành thực hiện chính sách liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

10. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Chỉ đạo các cấp Hội ở cơ sở tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động hỗ trợ giảm nghèo như phong trào “Ngày vì người nghèo”; phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”; phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau”, Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tính chủ động, tinh thần tự lực tự cường của người dân vươn lên thoát nghèo.

11. UBND các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo năm 2022 bảo đảm sát với thực trạng kinh tế - xã hội của địa phương.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành huyện trong việc triển khai, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các chính sách giảm nghèo; thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo cụ thể đến từng bản, từng hộ, tập trung các nguồn lực hỗ trợ các bản có tỷ lệ hộ nghèo cao. Vận động Nhân dân giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế để giảm nghèo bền vững, hướng dẫn cách làm hay cho các hộ nghèo, đặc biệt là các hộ đông con, lười lao động, mắc tệ nạn xã hội...

- Điều tra, rà soát, thống kê đánh giá kết quả giảm nghèo năm 2022 bảo đảm chất lượng, kết quả giảm nghèo phản ánh khách quan, chính xác, đúng thực trạng mức sống của hộ dân, không chạy theo thành tích ảnh hưởng đến chất lượng giảm nghèo bền vững. Quản lý chặt chẽ di, biến động hộ nghèo, cận nghèo; thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025” năm 2022 của UBND huyện Tam Đường.

Nơi nhận:

- Sở Lao động -TB&XH (B/c);
- TT. Huyện ủy (B/c);
- TT. HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan;
- **UBND các xã, thị trấn;**
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh